

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“TÌM HIỂU VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI NĂM 2025”**

Câu 1: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam gồm có mấy điều?

- A. 1 điều.
- B. 2 điều.**
- C. 3 điều.

Đáp án: B (Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 2: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm nào sau đây?

- A. 16/6/2025.**
- B. 20/6/2025.
- C. 30/6/2025.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 3: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước kết thúc hoạt động từ thời gian nào sau đây?

- A. 01/01/2025.
- B. 30/6/2025.
- C. 01/07/2025.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 4: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định trình tự thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính như thế nào?

- A. Phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do Quốc hội quy định.**
- B. Phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do Chủ tịch nước quy định.
- C. Phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 5: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định về cấp chính quyền địa phương gồm có?

A. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định.

B. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo do Quốc hội quy định.

C. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 6: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do..... lãnh đạo”. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống?

A. Cơ quan Thường trực Mặt trận Tổ quốc.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Chính phủ.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 7: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam: “Công đoàn Việt Nam là đại diện duy nhất của người lao động ở.....”. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống?

A. cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn.

B. cấp tỉnh trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn.

C. cấp xã trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 8: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định các tổ chức chính trị - xã hội nào sau đây trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam?

A. Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

B. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 9: Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định tổ chức chính trị - xã hội nào sau đây trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam?

A. Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

B. Đoàn Luật sư.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam)

Câu 10. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, UBND phường có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây?

A. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đô thị.

B. Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động tự quản của tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

C. Thực hiện thu phí, lệ phí trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3, điều 25, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025)

Câu 11: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức như thế nào?

A. Được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định.

B. Được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và xã, phường, thị trấn.

C. Được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh và các đơn vị hành chính dưới tỉnh.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam).

Câu 12. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây?

A. Quyết định biên chế cán bộ, công chức.

B. Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương.

C. Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố.

Đáp án: B (Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 13: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở các tỉnh hình thành sau sắp xếp do ai chỉ định?

A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

B. Thủ tướng Chính phủ.

C. Chủ tịch nước.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam).

Câu 14: Theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở các tỉnh hình thành sau sắp xếp do ai chỉ định?

A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

B. Thủ tướng Chính phủ.

C. Chủ tịch nước.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam).

Câu 15: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đơn vị hành chính cấp xã gồm có?

A. Xã, phường.

B. Xã, phường, thị trấn.

C. Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

Đáp án: C (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 16: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đặc khu được quy định như thế nào?

A. Là đơn vị hành chính ở một số hải đảo có vị trí quan trọng được thành lập phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

B. Là đơn vị hành chính ở một số hải đảo được thành lập phù hợp với điều kiện địa lý, tự nhiên, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

C. Là đơn vị hành chính ở một số hải đảo có vị trí quan trọng được thành lập phù hợp với điều kiện địa lý, tự nhiên, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đáp án: C (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 17: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, phân loại đơn vị hành chính phải dựa trên các tiêu chí nào?

A. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo theo quy định của Chính phủ.

B. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo theo quy định của Chính phủ.

C. Quy mô dân số và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo theo quy định của Chính phủ.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 18: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân hoạt động như thế nào?

A. Hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

B. Hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 19: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Ủy ban nhân dân hoạt động như thế nào?

A. Ủy ban nhân dân quyết định theo đa số; đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

B. Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 20: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt là?

A. Địa bàn có vị trí chiến lược, được tổ chức theo mô hình đặc thù, được áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội.

B. Thực hiện các chính sách mới về quản trị địa phương, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 21: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do chủ thể nào quyết định thành lập?

A. Thủ tướng Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Chủ tịch nước.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 22: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn nào sau đây?

A. Có quốc tịch Việt Nam.

B. Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

C. Là người Việt Nam.

Đáp án: B (Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 23: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

A. 03 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

B. 04 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

C. 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 24: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chủ thể nào quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân?

- A. Quốc hội.
- B. Thủ tướng Chính phủ.
- C. Chủ tịch nước.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 25: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu hội đồng nhân dân là?

A. Người chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

B. Người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

C. Người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 26: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn nào sau đây?

A. Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

B. Có trình độ học vấn và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

C. Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Đáp án: C (Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 27: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn nào sau đây?

A. Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân.

B. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 28: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chủ thể nào giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân?

A. Chủ tịch nước.

B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

C. Chính phủ.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 5 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 29: Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chủ thể nào hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên?

A. Chủ tịch nước.

B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

C. Chính phủ.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 5 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 30. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do cơ quan nào bầu ra?

A. Chính phủ.

B. Hội đồng nhân dân cùng cấp.

C. Nhân dân địa phương bầu trực tiếp.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 31. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thực hiện thế nào?

A. Ra Quyết định giải thể ngay.

B. Tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới bầu ra Ủy ban nhân dân khóa mới.

C. Tạm dừng hoạt động.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 32. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chính quyền địa phương phối hợp và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội trong nhiệm vụ gì?

A. Quản lý thuế địa phương.

B. Phân bổ ngân sách Nhà nước.

C. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 33. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thông báo tình hình địa phương cho cơ quan nào?

A. Hội đồng nhân dân tỉnh.

B. Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

C. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội cùng cấp.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 34. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chính quyền địa phương tiếp nhận, giải quyết và trả lời các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương do cơ quan nào tổng hợp và chuyển đến?

A. Chính phủ.

B. Hội đồng nhân dân tỉnh.

C. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4 Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 35. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc giải thể đơn vị hành chính chỉ thực hiện trong các trường hợp nào sau đây?

A. Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương hoặc của quốc gia; Do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình tác động đến sự tồn tại của đơn vị hành chính đó.

B. Do tổ chức lại đơn vị hành chính theo định hướng của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 36. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc thành lập đặc khu ở hải đảo phải bảo đảm yêu cầu nào?

A. Quy mô dân số trên đảo.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên các vùng biển, hải đảo.

C. Giảm chi phí đầu tư.

Đáp án: B (Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 37. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, thẩm quyền điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc về cơ quan nào?

A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Bộ Nội vụ.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 38. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc nhập, chia đơn vị hành chính cấp tỉnh do cơ quan nào quyết định?

A. Quốc hội.

B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

C. Chính phủ.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 39. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, cơ quan nào chủ trì xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính cấp tỉnh?

A. Bộ Nội vụ.

B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

C. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 40. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính phải được lấy ý kiến của ai?

A. Tất cả người dân trên địa bàn tỉnh.

B. Nhân dân ở những đơn vị hành chính cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp.

C. Các bộ, ngành Trung ương.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 3 Điều 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 41. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp với yếu tố nào?

A. Chỉ tiêu thu ngân sách.

B. Chính sách thuế.

C. Phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp

Đáp án: C (Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 42. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nào?

A. Chính quyền địa phương cấp tỉnh.

B. Ủy ban MTTQ cấp tỉnh.

C. Các Sở, ban ngành có liên quan.

Đáp án: A (Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 43. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, nguyên tắc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương là phải xác định rõ điều gì?

A. Cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương.

B. Nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

C. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

Đáp án: B (Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 44. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc phân quyền cho chính quyền địa phương các cấp phải được quy định ở văn bản nào?

A. Nghị định của Chính phủ.

B. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

C. Luật, nghị quyết của Quốc hội.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 45. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chính quyền địa phương được phân quyền như thế nào?

A. Chỉ tổ chức thi hành theo chỉ đạo cấp trên.

B. Tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

C. Tự chủ hoàn toàn, không chịu giám sát.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 46. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ai có thẩm quyền phân cấp cho UBND cùng cấp hoặc HĐND cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật?

A. Chủ tịch HĐND cấp xã.

B. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

C. Chủ tịch UBND cấp xã.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 47. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc phân cấp phải được thể hiện dưới hình thức nào?

A. Quyết định hành chính.

B. Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, cá nhân phân cấp.

C. Thông báo của cơ quan chuyên môn.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 48. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập chỉ thực hiện đối với nhiệm vụ, quyền hạn nào?

A. Nhiệm vụ quản lý tài sản công.

B. Nhiệm vụ, quyền hạn nhằm tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công.

C. Nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 49. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền có được ủy quyền tiếp không?

A. Có, nếu được cấp trên đồng ý.

B. Có, nếu công việc quá tải.

C. Không được ủy quyền tiếp.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 5 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 50. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, HĐND tỉnh có quyền giải tán HĐND cấp xã trong trường hợp nào?

A. Khi hết nhiệm kỳ.

B. Khi không họp đủ số kỳ trong năm.

C. Khi Hội đồng nhân dân cấp xã đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân.

Đáp án: C (Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 51. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, HĐND tỉnh có quyền gì?

A. Ban hành tiêu chuẩn ISO cho doanh nghiệp.

B. Cấp bằng sáng chế.

C. Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật.

Đáp án: C (Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 52. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm gì khi Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết?

A. Tổ chức thi hành nghị quyết.

B. Chỉ tuyên truyền nghị quyết.

C. Giám sát việc thi hành nghị quyết.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 53. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, cơ quan nào ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã?

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

B. Hội đồng nhân dân xã.

C. Ủy ban nhân dân xã.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 8 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 54. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có nhiệm vụ gì trong các tình huống khẩn cấp liên quan đến thiên tai, dịch bệnh, thảm họa trên địa bàn?

A. Triển khai thực hiện nhiệm vụ khi có văn bản chỉ đạo của cấp trên.

B. Chỉ đạo, xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp.

C. Tuyên truyền về phòng, chống thiên tai.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 11 Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 55. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, HĐND phường được quyết định biện pháp khuyến khích phát triển lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp thuần túy.

B. Công nghiệp nặng.

C. Kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 56. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, UBND phường phải xây dựng, trình HĐND cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết để thực hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy hoạch đất nông nghiệp.

B. Quản lý hộ tịch.

C. Đặt tên, đổi tên tổ dân phố.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 57. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, UBND phường được thực hiện liên kết, hợp tác phát triển với các phường lân cận trong lĩnh vực nào?

A. An ninh, quốc phòng.

B. Giáo dục, y tế.

C. Kinh tế, hạ tầng đô thị, giao thông, môi trường.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 25 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 58. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Tỉnh có trên 1.000.000 dân thì số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu thêm theo nguyên tắc nào?

A. Cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, tối đa 70 đại biểu.

B. Cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, tối đa 75 đại biểu.

C. Cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, tối đa 85 đại biểu.

Đáp án: C (Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 59. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?

A. Bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

B. Bình đẳng trong thảo luận và quyết định một số vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

C. Không bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 60. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trường hợp nào đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp sẽ bị bãi nhiệm?

A. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 03 năm mà không có lý do chính đáng.

B. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng.

C. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 02 năm mà không có lý do chính đáng.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 61. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân không có nhiệm vụ nào sau đây?

A. Thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan.

B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

C. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri toàn quốc.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 62. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân không có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây?

A. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý ngay mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

B. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương.

C. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 4, 5, 9 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 63. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây?

A. Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật.

B. Quyết định chính sách bảo vệ môi trường.

C. Quyết định chính sách phát triển du lịch.

Đáp án: A (Căn cứ điểm a, khoản 7, Điều 15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 64. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, nhận định nào sau đây là sai?

A. Không được khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp.

B. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quá tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

C. Không được bắt, giam, giữ đại biểu Hội đồng nhân dân trong mọi trường hợp.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 10 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 65. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới tổ chức chậm nhất bao nhiêu ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân?

A. Chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

B. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

C. Chậm nhất là 50 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 66. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất bao nhiêu kỳ?

A. 01 kỳ

B. 02 kỳ

C. 03 kỳ

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 67. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi nào?

A. Ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

B. Ít nhất một phần hai tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

C. Ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 68. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp chuyên đề bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị khi nào?

A. Đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của cấp xã.

B. Đơn yêu cầu có chữ ký của trên 5% tổng số cử tri của cấp xã.

C. Đơn yêu cầu có chữ ký của trên 3% tổng số cử tri của cấp xã.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 4 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 69. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân họp kín khi nào?

A. Hội đồng nhân dân họp công khai trong mọi trường hợp.

B. Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

C. Hội đồng nhân dân họp kín trong mọi trường hợp.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 5 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 70. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (không phải nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân) được thông qua khi nào?

A. Khi có một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

B. Khi có một phần tư tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

C. Khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 35 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 71. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được chủ thể nào phê chuẩn?

A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

B. Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

C. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 3 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 72. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trường hợp nào Hội đồng nhân dân không miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp?

A. Người được Hội đồng nhân dân bầu nếu vì lý do sức khỏe không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ và xin thôi giữ chức vụ.

B. Người được Hội đồng nhân dân bầu được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu hoặc từ trần.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 73. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân khi nào?

A. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố.

B. Đại biểu Hội đồng nhân dân không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu.

C. Theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 74. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân gồm?

- A. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên.**
- B. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và cán bộ, công chức.
- C. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các cơ quan chuyên môn.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 75. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất trong trường hợp nào sau đây?

- A. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ đối với phiên họp Ủy ban nhân dân cấp xã.
- B. Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định.**
- C. Theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 40 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 76. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chủ thể nào có thẩm quyền quyết định điều động Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh?

- A. Quốc hội.
- B. Thủ tướng Chính phủ.**
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 41 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 77. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong thời gian khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ thể nào quyết định về việc giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân?

- A. Hội đồng nhân dân tỉnh.
- B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- C. Thủ tướng Chính phủ.**

Đáp án: C (Căn cứ Điều 42 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 78. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chính quyền địa phương cấp xã tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân khi nào?

A. Ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có ít nhất 10% tổng số cử tri của cấp xã yêu cầu hoặc trong trường hợp cần thiết.

B. Ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có ít nhất 20% tổng số cử tri của cấp xã yêu cầu.

C. Ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có ít nhất 30% tổng số cử tri của cấp xã yêu cầu.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 79. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc đơn vị hành chính nhập với nhiều đơn vị hành chính cùng cấp thì hoạt động như thế nào?

A. Được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

B. Kết thúc hoạt động.

C. Tiếp tục hoạt động cho đến khi hết kỳ họp đầu tiên.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 44 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 80. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc đơn vị hành chính được chia thành nhiều đơn vị hành chính mới cùng cấp hoạt động như thế nào?

A. Kết thúc hoạt động.

B. Lựa chọn một trong các đơn vị hành chính mới cùng cấp để tiếp tục hoạt động.

C. Đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu hoặc công tác ở phần địa giới hành chính thuộc đơn vị hành chính mới nào thì hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính đó và hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 45 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 81. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền, Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

A. Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình.

B. Quyết định biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình.

C. Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số.

Đáp án: A (Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 21, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 82. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tại đơn vị hành chính được điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên để thành lập đơn vị mới hoạt động như thế nào?

A. Kết thúc hoạt động

B. Điều chỉnh hoạt động

C. Tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 3 Điều 47 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 83. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, một tập thể dân cư di chuyển đến đơn vị hành chính khác thì đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển theo tập thể đó hoạt động thế nào?

A. Kết thúc hoạt động.

B. Là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tương đương của đơn vị hành chính tiếp nhận tập thể dân cư và hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

C. Được lựa chọn là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tương đương của đơn vị hành chính bất kỳ.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 48 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 84. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trường hợp nào thực hiện bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật về bầu cử?

A. Thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng mà số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật này.

B. Thời gian còn lại của nhiệm kỳ ít hơn hoặc bằng 18 tháng.

C. Không đủ một phần hai tổng số đại biểu.

Đáp án: A (Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 49 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 85. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc tổ chức đơn vị hành chính thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Phù hợp quy hoạch có liên quan.

B. Phải căn cứ đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo.

C. Tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính ổn định, thông suốt, liên tục của quản lý nhà nước.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1, Điều 8, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Câu 86. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, chủ thể nào quyết định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?

A. Thủ tướng Chính phủ

B. Quốc hội

C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đáp án: C (Căn cứ khoản 6 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 87. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, các công việc của UBND cấp huyện đã hoàn thành trước ngày 01/7/2025 nhưng sau đó phát sinh vấn đề phức tạp thì xử lý thế nào?

A. Không tiếp tục giải quyết.

B. Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện có trách nhiệm tiếp tục giải quyết.

C. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo việc giải quyết.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 8 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15).

Câu 88. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc các trường hợp nào sau đây?

A. Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

B. Người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 89. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi mắc bệnh làm mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi bị bắt buộc chữa bệnh tại nơi nào?

A. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

B. Cơ sở điều trị chuyên khoa.

C. Bệnh viện đa khoa.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 2, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 90. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người phạm tội khi có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng trước khi kết án mắc bệnh làm mất khả năng nhận thức bị bắt buộc chữa bệnh tại đâu?

- A. Cơ sở điều trị chuyên khoa.
- B. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.**
- C. Trại giam.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 91. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức được đưa vào đâu để bắt buộc chữa bệnh?

- A. Cơ sở điều trị chuyên khoa.
- B. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.**
- C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 92. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi nào?

- A. Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ.
- B. Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.
- C. Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025)

Câu 93. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người tổ chức, người xúi giục thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân bị áp dụng hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.
- B. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.**
- C. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tử hình.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 5, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 94. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người có hành vi nào sau đây bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân?

Hành vi nào sau đây thuộc tội gián điệp và có khung hình phạt tù 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống nước CHXHCN Việt Nam.

B. Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước CHXHCN Việt Nam.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 6, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 95. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, không thi hành án tử hình đối với người bị kết án trong trường hợp nào sau đây?

A. Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

B. Người mắc bệnh điều trị nội trú.

C. Người đủ 70 tuổi trở lên.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 96. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, cơ quan nào quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cho người bị phạt quản chế, nếu đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt?

A. Thi hành án.

B. Tòa án.

C. Viện kiểm sát.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 97. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước CHXHCN Việt Nam thì bị áp dụng hình phạt tù như thế nào?

A. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

B. Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

C. Phạt tù chung thân hoặc tử hình.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 7, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 98. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh làm chết 02 người trở lên thì chịu hình phạt nào sau đây?

A. Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

B. Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

C. Phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 10, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 99. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người có hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật bị áp dụng hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm trong trường hợp nào sau đây?

A. Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng

B. Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

C. Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng

Đáp án: C (Căn cứ khoản 14, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 100. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại buôn bán hàng giả thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng trở lên chịu hình phạt nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng.

B. Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm.

C. Phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm.

Đáp án: C (Căn cứ điểm b, khoản 8, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 101. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người có hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật gây thiệt hại về tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng bị áp dụng hình phạt nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

B. Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 14, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 102. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm có thể chịu hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.
- B. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 05 năm đến 07 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
- C. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.**

Đáp án C (Căn cứ khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 103. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm có thể chịu hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.**
- B. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng.
- C. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 03 năm đến 05 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 104. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh có thể chịu hình phạt bổ sung nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.
- B. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 03 năm đến 05 năm.
- C. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 10, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 105. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người bị kết án tử hình là phụ nữ có thai thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là?

- A. 15 năm.
- B. 20 năm.

C. 25 năm và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 30 năm.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 106. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh thuộc trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

- A. Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên.
- B. Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 10, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

107. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người có hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng trở lên bị áp dụng hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng.
- B. Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.**
- C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 108. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng chịu hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 4.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng.
- B. Phạt tiền từ 8.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng.**
- C. Phạt tiền từ 9.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 10, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 109. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng chịu hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 9.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng.
- B. Phạt tiền từ 18.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng.**
- C. Phạt tiền từ 9.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 10, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 110. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, pháp nhân thương mại buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh thu lợi bất chính từ 2.000.000.000 đồng trở lên chịu hình phạt nào sau đây?

- A. Phạt tiền từ 30.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.**
- B. Phạt tiền từ 30.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng.
- C. Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 10, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 111. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi thuộc trường hợp nào sau đây thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng?

- A. Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.**
- B. Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.
- C. Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 11, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 112. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người thực hiện hành vi nào làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng?

- A. Đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.**
- B. Đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật bị nhiễm bệnh không có khả năng lây truyền cho người.
- C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 13, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 113. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người có hành vi thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 200.000 kg đến dưới 500.000 kg chịu hình phạt nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

B. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

C. Phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 12, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 114. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người có hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường 500.000 kilôgam trở lên chịu hình phạt nào sau đây?

A. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 07 năm.

B. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

C. Phạt tù từ 05 năm đến 07 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 12, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 115. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người thực hiện hành vi nào bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm?

A. Vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường.

B. Vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 12, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 116. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025, người đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật thì bị phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng khi nào?

A. Đưa từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

B. Đưa từ 70.000 kilôgam đến dưới 170.000 kilôgam chất thải khác.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 12, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025).

Câu 117: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. Phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

B. Phạt tù từ 4 năm đến 7 năm.

C. Phạt tù từ 3 năm đến 6 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 118: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội sản xuất trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng dưới 20 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng trên 100 gam.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 119: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội sản xuất trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 400 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 300 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 120: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội sản xuất trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 10 kilôgam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 400 gam đến dưới 09 kilôgam

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 121: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội sản xuất trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 10 kilôgam trở lên.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 08 kilôgam trở lên.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 122: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội tàng trữ trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 30 gam đến trên 100 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 300 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 123: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội tàng trữ trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 400 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 500 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 124: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội tàng trữ trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân?

- A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 400 gam trở lên.
- B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên.**
- C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 200 gam trở lên

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 125: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội vận chuyển trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm?

- A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam.
- B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 200 gam.
- C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 126: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội vận chuyển trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm?

- A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.
- B. Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit.
- C. Cả 2 phương án trên.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 127: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội vận chuyển trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

- A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 400 gam trở lên.
- B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên.**
- C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 200 gam trở lên.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 128: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. Bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

B. Bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

c. Bị phạt tù từ 05 năm đến 07 năm.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 129: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội mua bán trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 40 gam đến dưới 100 gam.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 130: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội mua bán trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 200 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 400 gam.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 131: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội mua bán trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 09 kilôgam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 400 gam đến dưới 09 kilôgam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam đến dưới 10 kilôgam.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 132: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội mua bán trái phép chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 09 kilôgam trở lên.

B. Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 22 lít trở lên.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025)

Câu 133: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 30 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 40 gam.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 134: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội chiếm đoạt chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 40 gam đến dưới 100 gam.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 19, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 135: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, tội chiếm đoạt chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 400 gam.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 500 gam.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 19, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 136. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 tội chiếm đoạt chất ma túy nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 400 gam trở lên.

B. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 200 gam trở lên.

C. Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 19, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 137: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. Phạt tù từ 4 năm đến 7 năm.

B. Phạt tù từ 3 năm đến 6 năm.

C. Phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 19, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 138: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm?

A. Đang trong thời hạn 03 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

B. Đang trong thời hạn 04 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

C. Đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 20, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 139: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Người nào tái phạm về tội sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. Bị phạt tù từ 3 năm đến 6 năm.

B. Bị phạt tù từ 3 năm đến 5 năm.

C. Bị phạt tù từ 4 năm đến 6 năm.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 20, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 140: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Tội tham ô tài sản nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, *Hoặc* gây thiệt hại về tài sản 6.000.000.000 đồng trở lên.

B. Chiếm đoạt tài sản trị giá 2.000.000.000 đồng trở lên, *Hoặc* gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên

C. Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên *Hoặc* gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 22, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 141: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Tội nhận hối lộ nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân?

A. Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, *hoặc* gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

B. Phạm tội có tổ chức và gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000, *hoặc* của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

C. Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; *hoặc* gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 23, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 142: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, Sau khi được công bố, Quyết định về đặc xá được niêm yết tại cơ quan nào?

- A. Quyết định về đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam.
- B. Quyết định về đặc xá được niêm yết tại trụ sở công an cấp xã.
- C. Quyết định về đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 2, Điều 2, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 143: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, một trong các điều kiện của phạm nhân nữ được đề nghị đặc xá là gì?

- A. Phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi đang ở với mẹ trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.
- B. Phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong trại giam, trại tạm giam.**
- C. Phụ nữ có thai hoặc có con dưới 24 tháng tuổi ở cùng mẹ trong trại giam, trại tạm giam.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2, Điều 2, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 144: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, cơ quan nào sau đây thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân?

- A. Công an tỉnh, thành phố.
- B. Công an xã, phường, đặc khu.
- C. Cả hai phương án trên.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4, Điều 2, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025).

Câu 145: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về đất đai là bao nhiêu năm?

- A. 01 năm
- B. 02 năm**
- C. 03 năm

Đáp án: B (Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 146: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về kế toán đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển là bao nhiêu năm?

- A. 01 năm
- B. 02 năm
- C. 03 năm.**

Đáp án: C (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 147: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện khi nào?

- A. Khi có hành vi vi phạm hành chính
- B. Khi bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin**
- C. Khi đảm bảo điều kiện về thông tin

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 148: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu nào?

- A. Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.
- B. Việc thu thập, lưu trữ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, an toàn, đúng mục đích, phạm vi theo quy định của pháp luật.
- C. Cả hai phương án trên**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 149: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?

- A. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng
- B. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng**
- C. Phạt tiền đến 40.000.000 đồng

Đáp án: B (Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 150: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo được quy định như thế nào?

- A. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng
- B. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng
- C. Phạt tiền đến 40.000.000 đồng

Đáp án: A (Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 151: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm được quy định như thế nào?

- A. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng
- B. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng
- C. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng**

Đáp án: C (Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 152: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai đối với cá nhân được quy định như thế nào?

- A. Phạt tiền đến 300.000.000 đồng
- B. Phạt tiền đến 500.000.000 đồng**
- C. Phạt tiền đến 700.000.000 đồng

Đáp án: B (Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 153: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, những người nào sau đây có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?

- A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.
- B. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; Thủ trưởng Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ và tương đương; Thủ trưởng Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương.
- C. Cả hai phương án trên**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 154: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp bao nhiêu lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân?

A. Gấp 2 lần

B. Gấp 3 lần

C. Gấp 4 lần

Đáp án: A (Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 155: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí như thế nào?

A. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng

B. Phạt tiền đến 150.000.000 đồng

C. Phạt tiền đến 200.000.000 đồng

Đáp án: A (Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 156: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng đối với các trường hợp nào?

A. Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

B. Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, 2.000.000 đồng đối với tổ chức.

C. Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, 3.000.000 đồng đối với tổ chức.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 157: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc xử lý như thế nào?

A. Giữ hồ sơ lại và tiếp tục giải quyết.

B. Chuyển hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

C. Chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự

Đáp án: C (Căn cứ khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 158: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về công nghệ thông tin được quy định như thế nào?

A. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng

B. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng

C. Phạt tiền đến 150.000.000 đồng

Đáp án: B (Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 159: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính có thể thực hiện bằng các hình thức nào?

A. Giao trực tiếp cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

B. Gửi qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm; gửi bằng phương thức điện tử.

C. Cả hai phương án trên

Đáp án: C (Căn cứ khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 160: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, ai lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi vi phạm có nơi cư trú ổn định?

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

B. Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú

C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đáp án: B (Căn cứ khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 161: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, ai lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi vi phạm không có nơi cư trú ổn định?

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

B. Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú

C. Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 162: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý và bảo vệ công trình giao thông được quy định như thế nào?

A. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng

B. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng

C. Phạt tiền đến 150.000.000 đồng

Đáp án: B (Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 163: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bao nhiêu bản?

- A. 01 bản
- B. 02 bản
- C. 03 bản

Đáp án: A (Căn cứ điểm c khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 164: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả là bao nhiêu năm?

- A. 02 năm
- B. 03 năm
- C. 04 năm

Đáp án: A (Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 165: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là bao nhiêu năm?

- A. 01 năm
- B. 02 năm
- C. 03 năm

Đáp án: B (Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 166: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, nhận định nào sau đây là sai?

- A. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ là 02 năm.
- B. Thời hiệu xử phạt hành chính về hôn nhân và gia đình là 01 năm.
- C. Mọi trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt là 02 năm.

Đáp án: C (Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 167: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm yêu cầu sau đây?

- A. Phải có sự đồng ý bằng văn bản của người vi phạm.
- B. Chỉ áp dụng đối với các vi phạm trong lĩnh vực giao thông.

C. Kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ quản lý nhà nước và giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 168: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình được quy định như thế nào?

- A. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng
- B. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng**
- C. Phạt tiền đến 40.000.000 đồng

Đáp án: B (Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 169: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa đến 30.000.000 đồng trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Dân số.**
- B. Chăn nuôi.
- C. Quảng cáo.

Đáp án: A (Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 170: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, mức phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Vệ sinh môi trường.
- B. Dân số.
- C. Khám bệnh, chữa bệnh.**

Đáp án: C (Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 171: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, vi phạm hành chính trong lĩnh vực nào sau đây bị phạt tiền đến 500.000.000 đồng?

- A. Bình đẳng giới
- B. Bạo lực gia đình

C. Xây dựng

Đáp án: C (Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 172: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, những người nào sau đây có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?

- A. Thanh tra viên; Trưởng đoàn Thanh tra trong thời hạn thanh tra.
- B. Chánh Thanh tra của cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 173: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, chủ thể nào chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng?

- A. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã nơi người đó cư trú.
- B. Cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh và Công an cấp xã có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

C. Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 174. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, đối với người dưới 18 tuổi vi phạm có nơi cư trú ổn định thì hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải có tài liệu nào sau đây?

- A. Giấy khám sức khỏe.
- B. Phiếu xác định tình trạng nghiện.

C. Bản tóm tắt lý lịch.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 17, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 175: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, khi nhận đầy đủ hồ sơ do cơ quan Công an cấp tỉnh chuyển đến, Trưởng Công an cấp xã phải hoàn thiện gửi Tòa án trong thời hạn bao lâu?

A. 02 ngày làm việc.

B. 05 ngày làm việc.

C. 07 ngày

Đáp án: A (Căn cứ khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 176: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được chuyển Tòa án nhân dân khu vực trong thời hạn bao lâu kể từ khi hết thời hạn đọc hồ sơ?

A. 5 ngày.

B. 2 ngày.

C. 3 ngày.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 177. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng phải được xử lý như thế nào?

A. Lưu trữ trong hồ sơ học tập.

B. Đánh bút lục và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

C. Gửi cho công an cấp tỉnh.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 178. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp khác của họ có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn bao nhiêu ngày?

A. 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo

B. 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo

C. 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo

Đáp án: B (Căn cứ khoản 17, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 179. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc gồm có?

A. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp.

B. Văn bản của Trưởng Công an cấp xã về việc đề nghị xem xét áp dụng.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 180. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, nếu người nghiện ma túy tự khai báo và xin đi cai nghiện bắt buộc, thì hồ sơ gồm?

A. Đơn tự nguyện xin đi cai nghiện; Bản tóm tắt lý lịch; Tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó.

B. Bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan.

C. Cả hai phương án trên.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 181. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn bao lâu thì cơ quan Công an phải chấp hành quyết định đưa người đi cơ sở cai nghiện bắt buộc?

A. 3 ngày.

B. 5 ngày.

C. 7 ngày.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 182. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, chủ thể nào thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính?

A. Đội trưởng Đội quản lý thị trường.

B. Kiểm soát viên Đội quản lý thị trường.

C. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp thuộc Chi cục Quản lý thị trường.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 24, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 183. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, chủ thể nào có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc?

A. Viện kiểm sát nhân dân khu vực

B. Công an xã.

C. Tòa án nhân dân khu vực

Đáp án: C (Căn cứ khoản 19, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 184. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, ai trong số các chức danh sau có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 123?

A. Chủ tịch UBND cấp xã; Trưởng Công an cấp xã.

B. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

C. Cả hai phương án trên

Đáp án: C (Căn cứ khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 185. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, chức danh nào thuộc lực lượng Công an có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính?

A. Trưởng Công an cấp xã.

B. Cán bộ công an cấp xã.

C. Bộ Tư lệnh thuộc Bộ Công an.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 24, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 186. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý trong thời hạn bao lâu năm 2025, chức danh nào thuộc lực lượng Biên phòng có quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính?

A. Trợ lý chính trị Biên phòng.

B. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng.

C. Tổ trưởng tổ tuần tra biên giới.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 187. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp?

A. Để xác định vi phạm hành chính.

B. Để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt

C. Cả hai phương án trên

Đáp án: C (Căn cứ khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 188. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, trong thời hạn bao lâu thì người lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC phải được báo cáo cho người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ?

- A. 12 giờ
- B. 24 giờ**
- C. 48 giờ

Đáp án: B (Căn cứ khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 189. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì?

A. Không phải lập biên bản tạm giữ. Biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp này phải thể hiện rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ.

- B. Phải lập riêng biên bản tạm giữ
- C. Có thể lựa chọn lập hay không lập biên bản tạm giữ

Đáp án: A (Căn cứ khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 190. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, phiếu xác định tình trạng nghiệm của cơ quan có thẩm quyền trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải còn trong thời hạn nào?

- A. 06 tháng kể từ ngày cấp.**
- B. 01 năm kể từ ngày cấp.
- C. 02 kể từ ngày cấp.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 21, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 191. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, nếu tang vật VPHC đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép, thì nguyên tắc xử lý là gì?

- A. Bị tịch thu sung công quỹ nhà nước.
- B. Trả lại ngay cho người vi phạm.
- C. Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, còn cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật.**

Đáp án: C (Căn cứ khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025).

Câu 192. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, đối với tang vật, phương tiện là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi chấm dứt việc tạm giữ theo quy định và không thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu thì xử lý thế nào?

A. Tịch thu sung công quỹ.

B. Trả lại cho bên nhận bảo đảm (tổ chức tín dụng...) theo đề nghị.

C. Phải bán đấu giá để thu tiền.

Đáp án: B (Căn cứ khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 193. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025 có hiệu lực từ ngày?

A. 1/6/2025

B. 1/7/2025

C. 1/8/2025

Đáp án: B (Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 194. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ quan Công an lập đề nghị đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng?

A. 03 ngày

B. 05 ngày

C. 07 ngày

Đáp án: B (Căn cứ khoản 23, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 195. Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025 vào ngày tháng năm nào?

A. 25/6/2025

B. 20/6/2025

C. 1/7/2025

Đáp án: A (Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 196. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025, trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì chủ thể nào lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?

A. Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú.

B. Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật.

C. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an.

Đáp án: A (Căn cứ khoản 21, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025)

Câu 197. Vụ việc VPHC đã được phát hiện và đang trong quá trình xem xét, xử lý mà cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã kết thúc hoạt động thì vụ việc VPHC đó do cơ quan, cá nhân nào xử lý?

A. Dừng vụ việc

B. Gửi lên tòa án

C. Cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục xử lý vụ việc hoặc chuyển đến người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đáp án: C (Căn cứ khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 198. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025, ai có trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt đã được người có thẩm quyền ban hành nay kết thúc nhiệm vụ?

A. Người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt.

B. Cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục thực hiện hoặc chuyển đến người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

C. Bộ Tư pháp

Đáp án: B (Căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 199. Từ ngày 1/7/2025 cho đến khi Chính phủ có Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, chức danh nào được thực quyền thẩm quyền xử phạt thay Chủ tịch UBND cấp huyện trước đây?

A. Chủ tịch UBND cấp xã

B. Chủ tịch UBND tỉnh

C. Giám đốc Công an tỉnh

Đáp án: A (Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)

Câu 200. Từ ngày 1/7/2025 cho đến khi Chính phủ có Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, chức danh nào được thực quyền thẩm quyền xử phạt thay Trưởng Công an cấp huyện trước đây?

A. Trưởng Công an cấp xã

B. Chủ tịch UBND tỉnh

C. Không có chức danh nào

Đáp án: A (Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý VPHC năm 2025)